

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu P

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thiên N

Bà Phạm Thị B

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu T - Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố H.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H tham gia phiên tòa:** Bà Tô Thị Hoài T - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Ngọc M; nơi ĐKKHKT: Số 37/375 đường L, phường L, quận N, thành phố H; nơi tạm trú: Số 10/73 đường L, phường Máy Tơ, quận N, thành phố H; có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Thái Mạnh T; nơi cư trú: Số 37/375 đường L, phường L, quận N, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ dân sự ly hôn, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Ngọc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc M và anh Thái Mạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đã làm thủ tục

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận H, thành phố H ngày 30/5/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng sống ly thân, chị M đã về nhà bố mẹ đẻ tại số 37/375 đường L, phường L, quận N, thành phố H ở từ năm 2020 đến nay. Chị Mai xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Thái Mạnh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Trần Ngọc M và anh Thái Mạnh T có hai con chung là Thái Gia B, sinh ngày 19/11/2012 và Thái Hoàng Trúc A, sinh ngày 05/5/2018. Từ khi chị M và anh T sống ly thân, hai cháu Bảo và cháu Trúc Anh đều ở cùng với chị M. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trần Ngọc M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Thái Mạnh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh Thái Mạnh T đều vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nên Tòa án không ghi được lời khai của anh T.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; 58; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trần Ngọc M được ly hôn anh Thái Mạnh T. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị M và cũng là nguyện vọng của cháu Thái Gia B. Giao con hai con chung là Thái Gia B và Thái Hoàng Trúc A cho chị Trần Ngọc M trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, chị M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị M phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Thái Mạnh T có nơi cư trú trên địa bàn quận N, thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là anh Thái Mạnh T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản theo quy định của pháp luật, anh T không có quan điểm giải quyết vụ án, vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Điều kiện và quá trình kết hôn như chị M đã trình bày, hôn nhân giữa chị Trần Ngọc M được ly hôn anh Thái Mạnh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không phù hợp. Mâu thuẫn càng tăng, chị M và anh T đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn liên quan về tình cảm cũng như về kinh tế. Hội đồng xét xử xét thấy, vì khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

[4] Chị Trần Ngọc M và anh Thái Mạnh T có hai con chung là Thái Gia B, sinh ngày 19/11/2012 và Thái Hoàng Trúc A, sinh ngày 05/5/2018. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T không có quan điểm về việc nuôi con, từ khi anh chị sống ly thân đến nay, chị M vẫn đảm bảo điều kiện chăm sóc các con. Vì vậy, chị M đề nghị Tòa án giao hai con là Thái Gia B và Thái Hoàng Trúc A cho chị M trực tiếp nuôi là có căn cứ nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, chị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về việc chia tài sản:

[5] Chị Trần Ngọc M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[6] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 58, 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc M

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Ngọc M được ly hôn anh Thái Mạnh T.

2. Về việc nuôi con:

Giao hai con chung là Thái Gia B, sinh ngày 19/11/2012 và Thái Hoàng Trúc A, sinh ngày 05/5/2018 cho chị Trần Ngọc M trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị Trần Ngọc M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản:

Chị Trần Ngọc M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Trần Ngọc M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006781 ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố H. Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Trần Ngọc M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Thái Mạnh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- UBND phường M, quận H, TP H (ĐKKH ngày 30/5/2012);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu P

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu P

Nơi nhận:

- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- UBND Ủy ban nhân dân phường.....,quận..... thành phố H (ĐKKH ngày .../.../2012);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu P

